

Số: 26 /2014/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao đạt thành tích tại các giải thi đấu trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về Quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12/9/2012 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 66/TTr-SVHTTDL ngày 13/8/2014 về đề nghị ban hành chế độ khen thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao đạt thành tích tại các giải thi đấu trong nước thể thao áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quy định mức tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao đạt thành tích tại các giải thi đấu trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

I. Phạm vi áp dụng

- Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng, các giải thi đấu của từng môn thể thao cấp huyện, cấp tỉnh, cấp khu vực quốc gia, cấp quốc gia.

- Hội thi thể thao quần chúng, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật cấp huyện, cấp tỉnh, cấp khu vực quốc gia, cấp quốc gia.

II. Đối tượng áp dụng

Các vận động viên, huấn luyện viên có thành tích trong Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng, Hội thi thể thao quần chúng, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật, các giải thi đấu của từng môn thể thao cấp huyện, cấp tỉnh, cấp khu vực quốc gia, cấp quốc gia.

III. Nội dung chi

Tiền thưởng cho vận động viên, huấn luyện viên tham gia thi đấu tại các giải thể thao tại mục I, Điều này.

1. Chi thưởng bằng tiền đối với các vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu thể dục thể thao cấp tỉnh.

1.1. Xếp hạng toàn đoàn trong Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng

| Thành tích | Mức thưởng |
|-------------|-----------------|
| - Giải nhất | 15.000.000 đồng |
| - Giải nhì | 12.000.000 đồng |
| - Giải ba | 8.000.000 đồng |

1.2. Xếp hạng toàn đoàn trong Hội thi và các giải thi đấu thể thao.

| Thành tích | Mức thưởng |
|-------------|----------------|
| - Giải nhất | 3.000.000 đồng |
| - Giải nhì | 2.500.000 đồng |
| - Giải ba | 2.000.000 đồng |

1.3. Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao.

| Thành tích | Mức thưởng |
|-------------|----------------|
| - Giải nhất | 1.200.000 đồng |
| - Giải nhì | 1.000.000 đồng |
| - Giải ba | 800.000 đồng |

2. Chi thưởng bằng tiền đối với các vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu thể dục thể thao cấp huyện.

- Mức thưởng tối đa bằng 80% mức thưởng tại các cuộc thi đấu thể dục thể thao cấp tỉnh.

3. Tặng thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu thể dục thể thao cấp quốc gia.

Ngoài mức thưởng trong giải và thưởng theo quy định hiện hành của nhà nước, các vận động viên, huấn luyện viên đoạt giải trong các giải thi đấu thể thao cấp Quốc gia được khen thưởng như sau:

6.1. Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, tiền thưởng kèm theo Bằng khen.

6.2. Được thưởng tiền theo từng thành tích đạt được.

a) Vận động viên đoạt giải trong các giải vô địch quốc gia, giải các môn trong Đại hội thể dục thể thao toàn quốc:

| Thành tích | Mức thưởng |
|-----------------|---|
| Huy chương Vàng | 6.000.000 đồng Phá kỷ lục quốc gia thưởng thêm: 4.000.000 đồng |
| Huy chương Bạc | 5.000.000 đồng |
| Huy chương Đồng | 4.000.000 đồng |

b) Vận động viên đoạt giải trong các giải vô địch trẻ quốc gia, Hội thi và các giải thi đấu thể thao quần chúng khu vực và toàn quốc, Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc mức thưởng tối đa bằng 80% mức thưởng vận động viên đạt giải trong các giải vô địch quốc gia, giải các môn trong Đại hội thể dục thể thao toàn quốc.

c) Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội, đôi (thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội, đôi được xác định trong cùng một lần thi), được thưởng tối đa bằng 80% mức thưởng của Mục a, b Khoản này nhân với số lượng vận động viên.

d) Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng bằng giá trị tiền thưởng của 1 vận động viên nhân với số lượng huấn luyện viên.

- Đối với những môn thi đấu có quy định từ 01 đến 05 vận động viên: Mức thưởng chung cho 1 huấn luyện viên.

- Đối với những môn thi đấu có quy định từ 06 đến 12 vận động viên: Mức thưởng chung cho 2 huấn luyện viên.

- Đối với những môn thi đấu có quy định từ 03 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung cho 03 huấn luyện viên.

đ) Đội bóng đá thiếu niên, nhi đồng tham gia giải toàn quốc:

- Đội đoạt giải nhất (huy chương Vàng): Được thưởng 20.000.000 đồng.

- Đội đoạt giải nhì (huy chương Bạc): Được thưởng 18.000.000 đồng.

- Đội đoạt giải ba (huy chương Đồng): Được thưởng 15.000.000 đồng.

- Huấn luyện viên được thưởng tối đa bằng 80% mức thưởng đội bóng đạt được.

4. Tặng thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các cuộc thi đấu thể dục thể thao khu vực quốc gia được thưởng tối đa bằng 80% mức thưởng tại các cuộc thi đấu thể dục thể thao cấp quốc gia.

5. Đối với môn thể thao tập thể mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên tham gia môn thể thao tập thể nhân (x) với 80% mức thưởng tương ứng của giải cá nhân quy định tại Khoản 1, 2 Mục này.

6. Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội, đôi (mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội, đôi được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân (x) với 80% mức thưởng của giải cá nhân tương ứng quy định tại Khoản 1, 2 Mục này.

7. Về cơ cấu giải thưởng trong các cuộc thi đấu thể thao được trao từ giải nhất đến giải ba và các giải khuyến khích do Ban tổ chức quyết định.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện.

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của sự nghiệp thể dục thể thao cấp tỉnh về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

Điều 3. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của nhà nước và quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2014 và thay thế Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 21/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về một số chế độ, chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên và chế độ chi tiêu tài chính cho các giải thi đấu thể thao áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc nhà nước Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ VH-TT-DL;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục KTVBQPPL, Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thi hành);
- Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Phòng Tin học – Công báo, VP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trưởng các phòng NCTH;
- Lưu: VT, CV (Ha).

Báo cáo



Châu Văn Lâm